

MED-62 MED-63

Máy Đo Huyết Áp Cơ



VI Hướng dẫn sử dụng

1. GIỚI THIỆU

Máy đo Huyết áp Cơ MED-62 và MED-63 là các máy đo huyết áp thông dụng. Đây là loại máy để sử dụng và có kết quả kiểm tra có độ chính xác cao. Thiết bị chủ yếu được sử dụng tại phòng khám và nhà riêng.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Máy đo Huyết áp Cơ được sử dụng để đo huyết áp tâm thu và tâm trương.

3. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

- Chỉ được sử dụng thiết bị này cho mục đích được mô tả trong tập sách này. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về thiệt hại do sử dụng sai cách.
- Phải bảo vệ không để thiết bị bị va đập.
- Không bao giờ được làm phồng quá 300 mmHg.
- Không được dùng dao kéo hoặc các vật sắc nhọn làm hỏng các bộ phận bằng cao su.
- Không được để thiết bị tiếp xúc với nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp.
- Vòng bít rất nhạy cảm và phải sử dụng thật cẩn thận.
- Đảm bảo không để trẻ em sử dụng thiết bị khi không có sự giám sát; một số bộ phận đủ nhỏ để trẻ nuốt phải.

4. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Chống chỉ định chưa được ghi nhận. Tham khảo ý kiến bác sĩ của bạn.

5. PHÂN MỨC CÁC GIÁ TRỊ HUYẾT ÁP

Bảng phân mức các giá trị huyết áp (đơn vị: mmHg) theo Hiệp hội Tăng huyết áp châu Âu (ESH)

Khoảng	Huyết áp tâm thu	Huyết áp tâm trương	Chỉ số đo
Cấp độ 3: tăng huyết áp nặng	Lớn hơn hoặc bằng 180	Lớn hơn hoặc bằng 110	Cần tư vấn y tế khẩn cấp!
Cấp độ 2: tăng huyết áp trung bình	160-179	100-109	Tham vấn bác sĩ ngay
Cấp độ 1: tăng huyết áp nhẹ	140-159	90-99	Tham vấn bác sĩ
Bình thường cao	130-139	85-89	Tham vấn bác sĩ
Bình thường	Dưới 130	Dưới 85	Tự kiểm tra
Tối ưu	Dưới 120	Dưới 80	Tự kiểm tra

ⓘ **Lưu ý:** Chia sẻ các giá trị đo được với bác sĩ của bạn. Không bao giờ được căn cứ vào kết quả báo đo để thay đổi liều lượng thuốc do bác sĩ của bạn kê đơn.

6. NHẬN DIỆN SẢN PHẨM CHO KIỂU MÁY MED-62, MED-63 KIỂU MÁY MED-63

Mặt nghe của ống nghe bằng kim loại được tích hợp sẵn trên vòng bít



7. HƯỚNG DẪN LẮP RÁP THIẾT BỊ

Lần lượt gắn quả bóp cao su và áp kế vào hai ống từ vòng bít như trong hình. Kiểu MED-62 / MED-63: Để lắp ráp ống nghe, hãy gắn đầu ống nghe vào một đầu duy nhất của ống Y (đối với kiểu MED-63, đầu ống nghe nằm trên vòng bít). Ở đầu đôi của ống Y, gắn các ống tai bằng kim loại của ống nghe.

ⓘ **Lưu ý:** Nếu mũi tên của đồng hồ đo không nằm trong vùng 0 chính giữa được chỉ ra bởi "□" thì đồng hồ đo áp suất không bị lỗi. Mũi tên của đồng hồ đo áp suất phải nằm trong vùng 0, vùng này được nhà sản xuất đặt khi điều chỉnh thiết bị ở vị trí cần thiết để đảm bảo độ chính xác cần thiết.

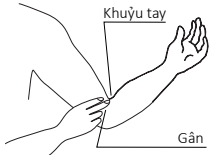
Sử dụng dụng cụ điều chỉnh (đính kèm theo sản phẩm) để điều chỉnh con trỏ trong vùng 0. Đưa dụng cụ vào lỗ tròn ở dưới cùng của đồng hồ đo áp suất và vặn, mũi tên của đồng hồ sẽ di chuyển. Thiết bị đã sẵn sàng để sử dụng.

8. ĐO ÁP SUẤT

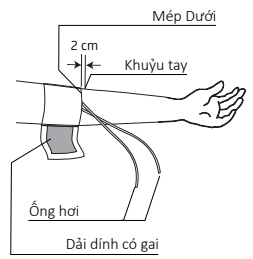
1. Đảm bảo người cần đo ngồi ở tư thế hai bàn chân duỗi thẳng, lưng tựa và cánh tay được đỡ. Để cánh tay cao ngang tầm với tim.

⚠ **Thận trọng:** Đảm bảo toàn bộ các bộ phận đã được lắp đúng cách và chắc chắn. Nếu không có thể dẫn đến thương tích hoặc sai lệch chỉ số đo.

2. Tìm động mạch cánh tay bằng cách đặt hai ngón tay cách khuỷu tay 2 cm ở mặt trong của cánh tay.



- Đặt mép dưới của vòng bít cách khuỷu tay khoảng 2 cm.
- Cần quấn vòng bít sao cho thật khít và không bị xô dịch vị trí. Siết chặt vòng bít bằng cách ấn dài dính có gai thật chặt vào mặt nhám. Nếu cần, điều chỉnh lại vòng bít.
- Đặt cánh tay lên một mặt bàn. Cần thả lỏng cánh tay với lòng bàn tay để ngửa. Đảm bảo vòng bít cao ngang tầm với tim.
- Một tay cầm áp kế sao cho bạn có thể nhìn thấy trực tiếp các số hiển thị. Tay còn lại cầm túi bóp khí làm phồng. Đóng van xả khí được trang bị liền với túi bóp khí làm phồng bằng cách vặn nó theo chiều kim đồng hồ.



7. Để làm phồng vòng bít, bóp thật nhanh túi bóp khí. Làm phồng vòng bít cho đến khi áp kế đạt mức áp suất CAO HƠN áp suất TÂM THU bình thường khoảng 20-30 mmHg.

⚠ **Thận trọng:** Không được làm phồng vòng bít quá 280 mmHg vì bạn có thể gây thương tích cho bệnh nhân hoặc làm hỏng thiết bị.

8. Từ từ mở van xả khí bằng cách vặn nó ngược chiều kim đồng hồ. Xả khí ở tốc độ 2-4 mmHg mỗi giây.

9. Nghe thật kỹ âm thanh phát ra và quan sát kim của áp kế. Khi bạn nghe thấy âm thanh xuất hiện lần đầu, đó là huyết áp TÂM THU.

10. Tiếp tục xả khí ở tốc độ 2-4 mmHg mỗi giây. Khi bạn không còn nghe thấy bất kỳ âm thanh nào nữa, đó là huyết áp TÂM TRƯỞNG.

11. Vặn van xả khí ngược chiều kim đồng hồ để xả nốt phần khí còn lại. Ghi lại chỉ số.

ⓘ **Lưu ý:** Nếu bạn muốn thực hiện một lần đo nữa, bạn có thể làm phồng lại tối đa hai lần. Chờ tối thiểu 2-3 phút trước khi đo lại để tránh bị sai chỉ số do mạch máu bị ứ máu.

Hướng dẫn tham khảo nhanh

Trước khi đo

- Thư giãn tối thiểu 5 phút trước khi tiến hành đo.
- Gỡ phần tay áo bó chặt vào bắp tay.
- Không được ăn, hút thuốc hoặc tập thể dục tối thiểu 30 phút trước khi tiến hành đo.

Trong khi đo

- Đặt vòng bít cao ngang tầm với tim.
- Mặt nghe của ống nghe trùm lên động mạch cánh tay.
- Làm phồng vòng bít theo mức phù hợp. (cao hơn huyết áp Tâm thu ước tính 20-30 mmHg).
- Không được nói chuyện hoặc cử động trong lúc đo.
- Làm xẹp vòng bít theo tốc độ 2-4 mmHg mỗi giây.

Sau khi đo

- Chờ 2-3 phút trước khi tiến hành đo tiếp.

9. VỆ SINH VÀ BẢO TRÌ

- Để tránh làm hỏng thiết bị, vui lòng TRÁNH rửa hoặc làm ẩm vòng bít hoặc đánh rơi áp kế.
- Cần kiểm tra thiết bị bị tối thiểu hai năm một lần nếu thấy thiết bị bị lỗi sau ngày kỹ thuật thì phải hiệu chỉnh lại thiết bị.
- Để vệ sinh máy đo huyết áp của bạn, sử dụng một miếng vải mềm và sạch.
- Không được vệ sinh bằng cách nhúng thiết bị vào chất lỏng.
- Không được khử trùng nóng.

Khi vòng bít được làm xẹp hết cỡ, kim áp kế phải nằm trong vùng chỉ báo độ chính xác. Nếu kim chỉ ra ngoài vùng chỉ báo độ chính xác, áp kế sẽ cho chỉ số không chính xác. Trong trường hợp này, bạn phải mang thiết bị đến trung tâm bảo dưỡng gần nhất để hiệu chỉnh (địa chỉ ghi trên thẻ bảo hành).

10. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA KIỂU MÁY MED-62, MED-63

Thang chia cấp độ: 2 mmHg
 Khoảng đo: 0-300 mmHg
 Độ chính xác: ± 3 mmHg
 Môi trường vận hành: từ 5° đến +40°C, độ ẩm 15% — 85%
 Môi trường bảo quản: từ -20° to +55°C, độ ẩm 15% — 85%
 Được thiết kế theo Tiêu chuẩn EN ISO 81060-1\2

11. BẢO HÀNH

Thời gian bảo hành là 2 năm kể từ ngày mua. Thời gian bảo hành vòng bít là 1 năm. Chế độ bảo hành này không áp dụng với bất kỳ trường hợp hỏng hóc do sử dụng sai cách và đối với bao bì. Khi phát hiện có lỗi sản xuất trong quá thời gian bảo hành, bộ phận bị lỗi sẽ được sửa chữa hoặc, nếu sửa chữa không khả thi, được thay thế bằng một bộ phận khác. Nhà sản xuất có thể thay đổi toàn bộ hoặc một phần thiết bị nếu cần mà không cần thông báo trước.

Ngày sản xuất được mã hóa trong số sê-ri trên áp kế: số thể hiện tháng, sau đó là các số cuối cùng của năm.

12. SYMBOL INFORMATION

	ĐỌC HƯỚNG DẪN TRƯỚC KHI SỬ DỤNG		Dấu CE
	TÊN NHÀ SẢN XUẤT		CÓ THỂ TIÊU HỦY CƯỜNG RÁC THẢI SINH HOẠT
	MÃ SẢN PHẨM		ĐIỀU KIỆN VẬN HÀNH, NHIỆT ĐỘ TỪ 5°C ~ 40°C
	SỐ SÊ-RI		ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, NHIỆT ĐỘ TỪ -20°C ~ 55°C

Phiên bản: 2022-W08